

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án “Chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường
(giai đoạn 1)”**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1104/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường (giai đoạn 1)”;

Căn cứ Quyết định số 1876/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường tại Tờ trình số 09/TTr-CNTT ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc phê duyệt dự án “Chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường (giai đoạn 1)”;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án “Chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường (giai đoạn 1)”, với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường (giai đoạn 1)
2. Chủ đầu tư: Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường
3. Tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Khang Phát
4. Mục tiêu đầu tư:
 - 4.1. Mục tiêu tổng quát:

Hoàn thiện hạ tầng số, phát triển các nền tảng số, đảm bảo an ninh, an toàn dùng chung theo hướng hiện đại, đồng bộ góp phần thực hiện thành công mục tiêu của Chương trình Chuyển đổi số tài nguyên môi trường cũng như Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

4.2. Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng và hoàn thiện các trung tâm dữ liệu của Bộ với các tiêu chí hiện đại, thông minh, kế thừa, sử dụng hiệu quả, đồng bộ, có tốc độ cao, an toàn, an ninh mạng, kết hợp giữa mô hình tập trung và phân tán, trên nền tảng công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; đảm bảo kết nối, thu nhận dữ liệu, cung cấp năng lực lưu trữ, phân tích, xử lý, tính toán và kết nối chia sẻ dữ liệu thông tin tài nguyên và môi trường theo thời gian thực.

- Cung cấp các nền tảng công nghệ số phục vụ giải quyết các bài toán nghiệp vụ cũng như phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Bộ.

- Bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống công nghệ thông tin của Bộ phù hợp theo mô hình 4 lớp; đảm bảo 100% máy chủ của Bộ được triển khai giải pháp phòng chống mã độc; 100% hệ thống thông tin cấp độ 3, 4, 5, hệ thống thông tin quan trọng quốc gia được giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Xây dựng, đổi mới các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường.

- Tập trung ưu tiên chuyển đổi số một số lĩnh vực quan trọng như đất đai, khí tượng thủy văn, môi trường... phục vụ công tác quản lý nhà nước, nhu cầu của xã hội.

5. Quy mô và nội dung đầu tư:

5.1. Quy mô:

a. Phát triển hạ tầng số

- Xây dựng hoàn thiện hạ tầng số, các Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số của ngành tài nguyên và môi trường với tiêu chí hiện đại, thông minh, kế thừa, sử dụng hiệu quả, đồng bộ, quy mô quốc gia, có tốc độ cao và tính sẵn sàng cao.

- Đầu tư các giải pháp tính toán, lưu trữ dữ liệu trên công nghệ điện toán đám mây (cloud computing) kết hợp giữa mô hình tập trung và phân tán; sẵn sàng kết nối với Hệ thống đám mây của Chính phủ, địa phương, bộ, ngành; có thể tích hợp với dịch vụ đám mây của các nhà cung cấp (trong nước và quốc tế); bảo đảm kết nối, tự động hóa thu nhận dữ liệu trên nền tảng IoT; cung cấp khả năng quản lý, lưu trữ trên nền tảng dữ liệu lớn.

b. Xây dựng nền tảng số

- Đầu tư và hoàn thiện xây dựng một số nền tảng công nghệ có khả năng cung cấp năng lực phân tích, xử lý dữ liệu lớn (Big data), tính toán bằng công nghệ AI; các nền tảng thông minh cho công tác dự báo, cảnh báo, phân tích, tổng hợp, thống kê nhằm cung cấp, chia sẻ dữ liệu, thông tin về tài nguyên và môi trường theo thời gian thực phục vụ quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng hệ thống xác thực điện tử dùng chung toàn ngành trên cơ sở kết nối với nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia.

- Xây dựng nền tảng họp trực tuyến, nền tảng đào tạo trực tuyến hỗ trợ làm việc từ xa trên môi trường số.

c. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

- Đầu tư nâng cấp và bổ sung các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin thể hệ mới đảm bảo cho các Trung tâm dữ liệu của Bộ và các hệ thống thông tin tại các đơn vị trực thuộc Bộ.

- Xây dựng trung tâm giám sát, phân tích và điều hành an ninh mạng ngành tài nguyên và môi trường (SOC) kết nối, chia sẻ với Trung tâm an toàn không gian mạng quốc gia.

d. Phát triển Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường

- Phát triển, xây dựng các hệ thống thông tin nội bộ, chuyên ngành sử dụng công nghệ thông minh phân tích, xử lý, trình bày thông tin, dữ liệu trên các nền tảng số phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ của các đơn vị trong ngành và cung cấp dịch vụ thuận tiện, an toàn, nhanh chóng cho người dân và doanh nghiệp.

- Đổi mới, nâng cấp Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ điện tử, tích hợp các công nghệ thông minh, khai phá dữ liệu hành chính, cung cấp tiện ích, thông minh hóa xử lý văn bản đi, đến, hồ sơ điện tử.

đ. Chuyển đổi số một số lĩnh vực quan trọng như đất đai, khí tượng thủy văn, môi trường... phục vụ công tác quản lý nhà nước, nhu cầu của xã hội.

5.2. Nội dung đầu tư:

a. Phát triển hạ tầng số

Đầu tư hạ tầng số, các Trung tâm dữ liệu của Bộ phục vụ chuyển đổi số của ngành tài nguyên và môi trường, cụ thể:

- Đầu tư hạ tầng số tại Trụ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường và Trung tâm dữ liệu tại Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường gồm: Hạ tầng mạng; Hạ tầng tính toán, lưu trữ; Hạ tầng phụ trợ.

- Hạ tầng số phát triển Chính phủ số gồm: Thiết bị phòng họp trực tuyến lớn của Bộ; Thiết bị họp trực tuyến cho phòng họp nhỏ; Thiết bị họp trực tuyến phục vụ kết nối hệ thống họp trực tuyến của Chính phủ; Máy tính họp trực tuyến cho Khối cơ quan Bộ; Máy tính phục vụ tác nghiệp chuyển đổi số của Khối cơ quan Bộ; Máy tính, máy in phục vụ soạn thảo văn bản mật khối cơ quan Bộ; Máy ký số (HSM); Trang thiết bị tác nghiệp cho phòng tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính, một cửa của Bộ.

b. Xây dựng nền tảng số

Đầu tư và hoàn thiện xây dựng một số nền tảng công nghệ cung cấp, chia sẻ dữ liệu, thông tin về tài nguyên và môi trường gồm: nền tảng họp trực tuyến; phần mềm nền tảng ảo hóa điện toán đám mây; nền tảng định danh và xác thực người dùng liên thông hệ thống Quản lý cán bộ công chức viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

c. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

Đầu tư, nâng cấp và bổ sung các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin cho các Trung tâm dữ liệu của Bộ và các hệ thống thông tin của các đơn vị trực thuộc, bao gồm: Hệ thống an toàn thông tin Trung tâm dữ liệu tại Trụ sở Bộ và tại Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên và môi trường; đầu tư một phần Trung tâm giám sát, phân tích và điều hành an ninh mạng ngành tài nguyên và môi trường (SOC) kết nối, chia sẻ với Trung tâm an toàn không gian mạng quốc gia (đầu tư giải pháp SIEM - Quản lý sự kiện và nhật ký tập trung); Giải pháp dò quét, quản lý lỗ hổng bảo mật; Giải pháp dò quét lỗ hổng mã nguồn.

d. Phát triển Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường

Đổi mới, nâng cấp các hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành bao gồm: Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ điện tử; hệ thống Cổng thông tin điện tử; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tài nguyên và Môi trường.

đ. Chuyển đổi số một số lĩnh vực quan trọng như đất đai, khí tượng thủy văn, môi trường... phục vụ công tác quản lý nhà nước, nhu cầu của xã hội

- Đầu tư nền tảng thu nhận dữ liệu gồm nền tảng thu nhận dữ liệu công nghệ IoT, nền tảng thu nhận dữ liệu camera cho các lĩnh vực ưu tiên.

- Xây dựng hệ thống kho lưu trữ điện tử tập trung Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Địa điểm đầu tư:

- Trụ sở cơ quan Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Trụ sở Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường

7. Thiết kế cơ sở: Theo nội dung thiết kế cơ sở đã được Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường thẩm định tại Báo cáo thẩm định ngày 17 tháng 12 năm 2021.

a. Giải pháp thiết kế cơ sở cần tuân thủ:

- Giải pháp thiết kế cơ sở, danh mục thiết bị đầu tư hạ tầng số, các Trung tâm dữ liệu của Bộ.

- Giải pháp thiết kế cơ sở, danh mục thiết bị đầu tư nền tảng công nghệ cung cấp, chia sẻ dữ liệu, thông tin về tài nguyên và môi trường.

- Giải pháp thiết kế cơ sở, danh mục thiết bị đảm bảo an toàn thông tin cho các Trung tâm dữ liệu của Bộ và các hệ thống thông tin của các đơn vị trực thuộc.

- Giải pháp thiết kế cơ sở, danh mục các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường, chuyển đổi số một số lĩnh vực quan trọng.

b. Giải pháp thiết kế cơ sở cho phép chủ đầu tư được thay đổi trong bước thiết kế tiếp theo

- Chi tiết cấu hình, tính năng kỹ thuật các trang thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại có thể được thay đổi bảo đảm không thấp hơn chi tiết cấu hình, tính năng kỹ thuật tại thiết kế ban đầu và không thay đổi về chi phí đầu tư.

- Một số chức năng của phần mềm nội bộ theo nguyên tắc đảm bảo yêu cầu đặt ra tại thiết kế cơ sở và nâng cao hiệu quả sử dụng.

8. Tổng mức đầu tư của dự án: 310.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm mười tỷ đồng*).

Trong đó:

- Chi phí thiết bị	278.954.586.000	đồng.
- Chi phí quản lý dự án	2.348.435.000	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư	3.968.474.000	đồng.
- Chi phí khác	828.398.000	đồng.
- Chi phí dự phòng	23.900.107.000	đồng.

(*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*)

9. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến phân bổ nguồn vốn theo tiến độ:

- Nguồn vốn: Vốn đầu tư công thuộc nguồn ngân sách trung ương.

- Phân bổ nguồn vốn theo tiến độ:

+ Năm 2021: 500 triệu đồng vốn chuẩn bị đầu tư.

+ Giai đoạn 2022 - 2025: 309.500 triệu đồng vốn thực hiện Dự án.

10. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý Dự án.

11. Thời gian thực hiện dự án: 2022-2025

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; mua sắm thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm, hiệu quả; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng về dự toán, hiệu quả, tính bền vững của Dự án, mối liên kết giữa Dự án và các dự án ngành công nghệ thông tin trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và các dự án khác có liên quan, đảm bảo có sự kế thừa, hiệu quả, không chồng chéo; tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát lãng phí.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Lưu: VT, KHTC, LHa.

Trần Quý Kiên

Phụ lục. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-BTNMT ngày.....tháng.....năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Giá trị
I	CHI PHÍ THIẾT BỊ	278.954.586.000
A	Phát triển hạ tầng số	136.745.552.000
1	Đầu tư hạ tầng số tại Trụ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường	29.959.294.000
1.1	Hạ tầng mạng	24.487.853.000
1.2	Hạ tầng tính toán, lưu trữ	2.996.630.000
1.3	Hạ tầng phụ trợ	2.474.811.000
2	Đầu tư hạ tầng số Trung tâm dữ liệu tại Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	97.273.011.000
2.1	Hạ tầng mạng	23.481.345.000
2.2	Hạ tầng tính toán, lưu trữ	71.316.855.000
2.3	Hạ tầng phụ trợ	2.474.811.000
3	Hạ tầng số phát triển Chính phủ số	9.513.247.000
3.1	Thiết bị phòng họp trực tuyến lớn của Bộ	2.174.391.000
3.2	Thiết bị họp trực tuyến cho phòng họp nhỏ	767.716.000
3.3	Thiết bị họp trực tuyến phục vụ kết nối hệ thống họp trực tuyến của Chính phủ	1.756.000.000
3.4	Máy tính họp trực tuyến cho Khối cơ quan Bộ	918.720.000
3.5	Máy tính phục vụ tác nghiệp chuyển đổi số của Khối cơ quan Bộ	2.117.500.000
3.6	Máy tính, máy in phục vụ soạn thảo văn bản mật khối cơ quan Bộ	166.320.000
3.7	Máy ký số (HSM)	1.082.400.000
3.8	Trang thiết bị tác nghiệp cho phòng tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính, một cửa của Bộ	530.200.000
B	Xây dựng nền tảng số	19.175.881.000
1	Nền tảng họp trực tuyến	6.543.200.000
2	Nền tảng ảo hoá điện toán đám mây	4.831.740.000
3	Nền tảng định danh và xác thực người dùng liên thông hệ thống Quản lý cán bộ công chức viên chức ngành tài nguyên và môi trường	7.800.941.000
C	Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin	61.683.090.000
1	Tại Trung tâm dữ liệu Trụ sở Bộ	22.302.066.000
1.1	Thiết bị tường lửa cho hệ thống mạng tại Trụ sở Bộ	20.144.966.000
1.2	Thiết bị bảo mật thư điện tử	2.157.100.000
2	Tại Trung tâm dữ liệu Trụ sở Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	20.144.966.000

2.1	<i>Thiết bị tường lửa dùng chung cho trung tâm dữ liệu và mạng người dùng</i>	19.613.602.000
2.2	<i>Thiết bị quản lý tường lửa</i>	531.364.000
3	Trung tâm điều hành an ninh mạng (SOC)	13.031.245.000
3.1	<i>Giải pháp SIEM và phần mềm cài đặt thu nhận log tại 6 điểm</i>	12.415.245.000
3.2	<i>Hệ thống máy tính điều khiển và giám sát và điều hành an ninh mạng</i>	302.500.000
3.3	<i>Máy tính di động chuyên dụng phục vụ cho việc khắc phục sự cố an ninh mạng</i>	313.500.000
4	Giải pháp dò quét, quản lý lỗ hổng bảo mật	3.250.000.000
5	Giải pháp dò quét lỗ hổng bảo mật Source Code	2.954.813.000
D	Phát triển Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường	36.993.841.000
1	Đổi mới, nâng cấp Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ điện tử	16.467.720.000
2	Đổi mới, nâng cấp hệ thống Cổng thông tin điện tử	6.512.975.000
3	Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tài nguyên và Môi trường	14.013.146.000
Đ	Chuyển đổi số một số lĩnh vực quan trọng như đất đai, khí tượng thủy văn, môi trường,..	24.356.222.000
1	Xây dựng nền tảng thu nhận dữ liệu	10.561.572.000
2	Xây dựng hệ thống kho lưu trữ điện tử tập trung Bộ Tài nguyên và Môi trường	13.794.650.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	2.348.435.000
1	Chi phí quản lý dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư	50.000.000
2	Chi phí quản lý dự án giai đoạn thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư	2.298.435.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ	3.968.474.000
1	Chi phí khảo sát phục vụ lập dự án	35.000.000
2	Chi phí lập dự án đầu tư	415.000.000
3	Chi phí thiết kế thi công, tổng dự toán	1.573.812.000
4	Chi phí thẩm tra thiết kế thi công	36.171.000
5	Chi phí thẩm tra tổng dự toán	30.156.000
6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu	585.996.000
7	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	292.998.000
8	Chi phí giám sát thi công	999.341.000
IV	CHI PHÍ KHÁC	828.398.000
1	Chi phí kiểm toán	635.539.000
2	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	192.859.000
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	23.900.107.000
	TỔNG CỘNG	310.000.000.000